

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 169 /TTr-UBND

Hậu Giang, ngày 19 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định Hội đồng nhân dân tỉnh “*Quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh theo chỉ tiêu biên chế được Chính phủ giao; quyết định số lượng và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của Chính phủ*”.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thông qua Nghị quyết số 54/NQ-HĐND về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2021. Theo đó, HĐND tỉnh giao tổng biên chế công chức năm 2021 là 1.466 biên chế (bằng với số Bộ Nội vụ giao năm 2021).

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thông qua Nghị quyết số 21/NQ-HĐND về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2021. Theo đó, HĐND tỉnh giao tổng biên chế công chức năm 2021 là 1.471 biên chế.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1575/QĐ-TTg về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2022.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 1065/QĐ-BNV về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Hậu Giang năm 2022. Theo đó, biên chế công chức năm 2022 của tỉnh Hậu Giang là 1.471 biên chế, giữ nguyên biên chế so với năm 2021.

Để có cơ sở cho UBND tỉnh giao biên chế công chức, số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp), hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh năm 2022; Đồng thời, thực hiện việc tinh giản biên chế, cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của Đảng và của pháp luật. Vì vậy, việc UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2022 là cần thiết.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

2. Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019.

3. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

4. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

6. Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2022.

8. Quyết định số 1065/QĐ-BNV ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Hậu Giang năm 2022.

III. NỘI DUNG CỦA VĂN BẢN

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nội dung Nghị quyết giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2022, như sau:

1. Tổng số biên chế công chức năm 2022 là 1.471 biên chế (giữ nguyên so với tổng số biên chế của tỉnh được Bộ Nội vụ giao năm 2021), cụ thể:

- | | |
|---|---------------|
| a) Biên chế giao các sở, ban, ngành cấp tỉnh: | 848 biên chế. |
| b) Biên chế giao UBND các huyện, thị xã, thành phố: | 623 biên chế. |

2. Tổng số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) năm 2022 là 14.073 người (giữ nguyên so với năm 2021), bao gồm:

- | | |
|---|-----------------|
| a) Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: | 9.818 biên chế. |
| b) Sự nghiệp Y tế: | 2.530 biên chế. |
| c) Sự nghiệp nghiên cứu khoa học: | 20 biên chế. |
| d) Sự nghiệp Văn hóa - Thể thao và Du lịch: | 143 biên chế. |
| đ) Sự nghiệp khác khối sở, ban, ngành tỉnh: | 1.112 biên chế. |
| e) Sự nghiệp khác khối UBND cấp huyện: | 450 biên chế. |

3. Số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP:

a) Trong các cơ quan, tổ chức hành chính: 136 người (giữ nguyên so với năm 2021).

b) Trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 729 người (giữ nguyên so với năm 2021).

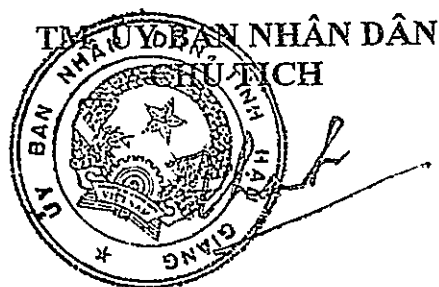
4. Số lượng người làm việc trong các tổ chức Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh: 98 người.

(Chi tiết theo các Phụ lục: I, II, III, IV, V đính kèm)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị. *Đỗ Văn Thanh*

Nơi nhận: *MM*

- Như trên;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu VT, NCTH, KM.



Đỗ Văn Thanh

Phụ lục I
GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2022
(Kèm theo Tờ trình số: 169 /TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức giao năm 2021	Biên chế công chức giao năm 2022	Ghi chú
TỔNG CỘNG (A + B)		1.471	1.471	
A	CẤP TỈNH	848	848	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	32	32	
2	Văn phòng UBND tỉnh	61	61	
3	Sở Nội vụ	56	56	
4	Sở Tư pháp	27	27	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	33	33	
6	Sở Tài chính	55	55	
7	Sở Công Thương	38	38	
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	93	93	
9	Sở Giao thông vận tải	45	45	
10	Sở Xây dựng	39	39	
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	59	59	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	26	26	
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	50	50	
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	36	36	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	24	24	
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	47	47	

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức giao năm 2021	Biên chế công chức giao năm 2022	Ghi chú
17	Sở Y tế	50	50	
18	Thanh tra tỉnh	27	27	
19	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	24	24	
20	Ban Dân tộc	17	17	
21	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	4	4	
22	Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh	5	5	
B	CẤP HUYỆN	623	623	
1	Thành phố Vị Thanh	94	94	
2	Thành phố Ngã Bảy	80	80	
3	Thị xã Long Mỹ	60	60	
4	Huyện Long Mỹ	57	57	
5	Huyện Vị Thủy	80	80	
6	Huyện Phụng Hiệp	88	88	
7	Huyện Châu Thành	82	82	
8	Huyện Châu Thành A	82	82	

Phụ lục II
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP) NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số: 169 /TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số người làm việc giao năm 2021	Số người làm việc giao năm 2022	Ghi chú
TỔNG CỘNG (A + B + C + D + E)		14.073	14.073	
A	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	9.818	9.818	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.466	1.466	
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	0	0	
3	Trường THCS, Tiểu học, Mầm non cấp huyện	8.352	8.352	
3.1	Thành phố Vị Thanh	924	924	
3.2	Thành phố Ngã Bảy	663	663	
3.3	Thị xã Long Mỹ	903	903	
3.4	Huyện Long Mỹ	985	985	
3.5	Huyện Vị Thủy	1.062	1.062	
3.6	Huyện Phụng Hiệp	1.826	1.826	
3.7	Huyện Châu Thành	871	871	
3.8	Huyện Châu Thành A	1.118	1.118	
B	SỰ NGHIỆP Y TẾ	2.530	2.530	
	Sở Y tế	2.530	2.530	
C	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	20	20	
	Sở Khoa học và Công nghệ	20	20	

STT	Cơ quan, đơn vị	Số người làm việc giao năm 2021	Số người làm việc giao năm 2022	Ghi chú
D	VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	143	143	
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	143	143	
Đ	SỰ NGHIỆP KHÁC	1.562	1.562	
I	Cấp tỉnh	1.112	1.112	
1	Văn phòng UBND tỉnh	4	4	
2	Sở Nội vụ	22	22	
3	Sở Tư pháp	37	37	
4	Sở Tài chính	11	11	
5	Sở Công Thương	42	42	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	446	446	
7	Sở Giao thông vận tải	22	22	
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	190	190	
9	Sở Thông tin và Truyền Thông	20	20	
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	69	69	
11	Ban Quản lý các khu công nghiệp	0	0	
12	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	0	0	
13	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	34	34	
14	Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh	20	20	

STT	Cơ quan, đơn vị	Số người làm việc giao năm 2021	Số người làm việc giao năm 2022	Ghi chú
15	Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang	195	195	
II	Cơ quan, đơn vị cấp huyện	450	450	
1	Thành phố Vị Thanh	47	47	
2	Thành phố Ngã Bảy	73	73	
3	Thị xã Long Mỹ	51	51	
4	Huyện Long Mỹ	43	43	
5	Huyện Vị Thủy	62	62	
6	Huyện Phụng Hiệp	49	49	
7	Huyện Châu Thành	71	71	
8	Huyện Châu Thành A	54	54	
E	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	0	0	

Phụ lục III
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP
TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
(Kèm theo Tờ trình số: 169 /TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2021 (ĐVT: người)	Số giao năm 2022 (ĐVT: người)	Ghi chú
TỔNG CỘNG (A + B)		136	136	
A	CẤP TỈNH	103	103	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	9	9	
2	Văn phòng UBND tỉnh	12	12	
3	Sở Nội vụ	5	5	
4	Sở Tư pháp	4	4	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4	4	
6	Sở Tài chính	4	4	
7	Sở Công Thương	4	4	
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7	7	
9	Sở Giao thông vận tải	5	5	
10	Sở Xây dựng	4	4	
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	6	6	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	4	4	
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4	4	
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4	4	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	4	4	
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	4	4	
17	Sở Y tế	5	5	
18	Thanh tra tỉnh	5	5	
19	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	4	4	
20	Ban Dân tộc	3	3	
21	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	1	1	

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2021 (ĐVT: người)	Số giao năm 2022 (ĐVT: người)	Ghi chú
22	Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	1	1	
B	CẤP HUYỆN	33	33	
1	Thành phố Vị Thanh	4	4	
2	Thành phố Ngã Bảy	4	4	
3	Thị xã Long Mỹ	4	4	
4	Huyện Long Mỹ	4	4	
5	Huyện Vị Thùỵ	4	4	
6	Huyện Phụng Hiệp	4	4	
7	Huyện Châu Thành	5	5	
8	Huyện Châu Thành A	4	4	

Phụ lục IV
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2022
(Kèm theo Tờ trình số: 169 /TTtr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2021 (ĐVT: người)	Số giao năm 2022 (ĐVT: người)	Ghi chú
TỔNG CỘNG (A +B +C + D + E)		729	729	
A	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	552	552	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	87	87	
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	0	0	
3	Trường THCS, Tiểu học, Mầm non cấp huyện	465	465	
3.1	Thành phố Vị Thanh	51	51	
3.2	Thành phố Ngã Bảy	54	54	
3.3	Thị xã Long Mỹ	50	50	
3.4	Huyện Long Mỹ	58	58	
3.5	Huyện Vị Thùỵ	44	44	
3.6	Huyện Phụng Hiệp	105	105	
3.7	Huyện châu Thành	52	52	
3.8	Huyện Châu Thành A	51	51	
B	SỰ NGHIỆP Y TẾ	60	60	
	Sở Y tế	60	60	
C	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	2	2	
	Sở Khoa học và Công nghệ	2	2	
D	VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	22	22	
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	22	22	
E	SỰ NGHIỆP KHÁC	93	93	
I	Cấp tỉnh	70	70	
1	Văn phòng UBND tỉnh	2	2	
2	Sở Nội vụ	2	2	

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2021 (ĐVT: người)	Số giao năm 2022 (ĐVT: người)	Ghi chú
3	Sở Tư pháp	1	1	
4	Sở Tài chính	4	4	
5	Sở Công Thương	1	1	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	2	
7	Sở Giao thông vận tải	2	2	
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	4	4	
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	14	14	
10	Ban Quản lý các khu công nghiệp	0	0	
11	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	0	0	
12	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	7	7	
13	Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh	3	3	
14	Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang	28	28	
II	Cơ quan, đơn vị cấp huyện	23	23	
1	Thành phố Vị Thanh	2	2	
2	Thành phố Ngã Bảy	3	3	
3	Thị xã Long Mỹ	3	3	
4	Huyện Long Mỹ	3	3	
5	Huyện Vị Thủy	3	3	
6	Huyện Phụng Hiệp	3	3	
7	Huyện Châu Thành	3	3	
8	Huyện Châu Thành A	3	3	

Phụ lục V
GIAO SỔ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
TRONG CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ CẤP TỈNH NĂM 2022
(Kèm theo Tờ trình số: 169/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2021 (ĐVT: người)	Số giao năm 2022 (ĐVT: người)	Ghi chú
TỔNG SỐ		98	98	
1	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	26	26	
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	13	13	
3	Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh	8	8	
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	17	17	
5	Hội Luật gia tỉnh	4	4	
6	Hội Nhà báo tỉnh	4	4	
7	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh	3	3	
8	Hội Bảo trợ Người khuyết tật - Trẻ mồ côi - Bệnh nhân nghèo tỉnh	5	5	
9	Hội Khuyến học tỉnh	5	5	
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh	3	3	
11	Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật tỉnh	3	3	
12	Ban đại diện Hội người cao tuổi tỉnh	3	3	
13	Hội Người mù tỉnh	4	4	

